

Số: KHHM-08/12h00/DBQG

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2025

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO KHÍ HẬU THỜI HẠN MÙA
TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC
(Từ tháng 9/2025-02/2026)**

1. Phân tích, đánh giá tình hình khí tượng nổi bật trong 02 tháng qua

a) Hiện tượng thời tiết nguy hiểm:

+ *Dông, lốc, sét, mưa đá:* Trên phạm vi toàn quốc xảy ra một số trận dông, lốc, sét và mưa đá (*Bảng 1-Phụ lục*).

+ *Bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ):* Từ tháng 6/2025 đến nay, trên Biển Đông đã xuất hiện 04 cơn bão và 02 ATNĐ (*Hình 1*). Trong đó, có 02 cơn bão ảnh hưởng đến Việt Nam đó là Bão số 1 (WUTIP) và Bão số 3 (WIPHA) cụ thể như sau:

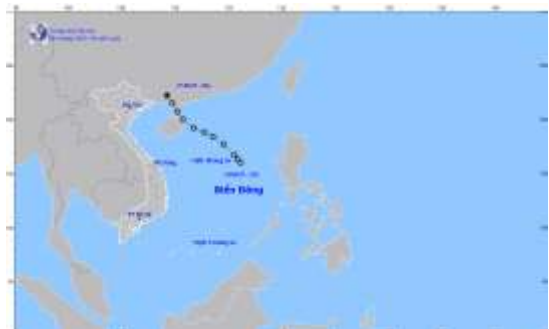
Bão số 1 (WUTIP): Sáng sớm ngày 10/6, vùng áp thấp trên khu vực Bắc Biển Đông mạnh lên thành ATNĐ, đến sáng ngày 11/6 mạnh lên thành bão, có tên quốc tế là WUTIP. Đến 19h ngày 13/6, vị trí tâm bão ở vào khoảng 19,0 độ Vĩ Bắc-108,3 độ Kinh Đông, trên vùng biển phía Đông khu vực Vịnh Bắc Bộ, sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão mạnh cấp 11 (103-117km/h), giật cấp 14. Tối ngày 14/6, sau khi đi sâu vào đất liền khu vực phía Tây Nam tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) bão số 1 suy yếu thành ATNĐ; sau đó đi sâu vào đất liền khu vực tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) suy yếu thành một vùng áp thấp. Tuy Bão số 1 không đổ bộ vào đất liền nước ta nhưng đã gây ra một đợt mưa lớn ở khu vực miền Trung.

Bão số 3 (WIPHA): Sáng ngày 19/7, một cơn bão đi vào vùng biển phía Đông Bắc của khu vực Bắc Biển Đông, trở thành cơn Bão số 3 trong năm 2025, có tên quốc tế là WIPHA, Bão số 3 hoạt động với cường độ mạnh cấp 9, giật cấp 11. Sau khi vào Biển Đông, Bão số 3 di chuyển nhanh theo hướng Tây Bắc đến Tây Tây Bắc và liên tục mạnh lên; sáng ngày 20/7, bão di chuyển theo hướng Tây và cường độ mạnh nhất đạt cấp 12, giật cấp 15. Đến đêm và sáng sớm ngày 21/7, bão đi vào đất liền phía Tây Nam tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) với cường độ giảm xuống cấp 9, giật cấp 11 và di chuyển theo hướng Tây Tây Nam

vượt qua khu vực phía Bắc bán đảo Lôi Châu (Trung Quốc) vào sáng ngày 21/7, đi vào phía Bắc vịnh Bắc Bộ với cường độ cấp 9, giật cấp 11, tốc độ di chuyển chậm lại, chiều cùng ngày, cường độ bão mạnh lên cấp 10, giật cấp 12. Sáng sớm ngày 22/7, khi bão đi sát vào vùng biển ven bờ Hải Phòng-Ninh Bình, cường độ bão giảm xuống cấp 9, giật cấp 11, duy trì hướng và tốc độ di chuyển, trưa cùng ngày, bão đi vào khu vực đất liền các tỉnh Hưng Yên-Ninh Bình, cường độ bão giảm xuống cấp 8, giật cấp 10. Sau đó, bão tiếp tục đi sâu vào đất liền và suy yếu thành ATNĐ, rồi thành một vùng áp thấp trên khu vực biên giới Việt-Lào và tan dần.



(a)



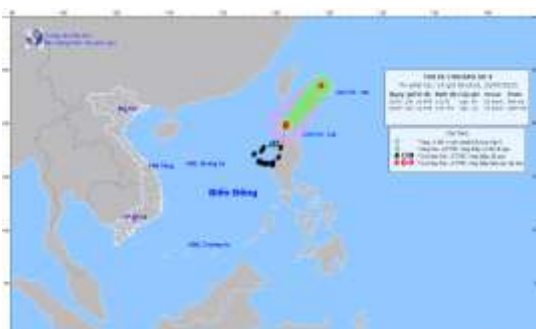
(b)



(c)



(d)



(e)



(f)

Hình 1: (a) Quỹ đạo của cơn bão số 1 (WUTIP); (b) Quỹ đạo của ATNĐ tháng 6; (c) Quỹ đạo của cơn bão số 2 (DANAS); (d) Quỹ đạo của cơn bão số 3 (WIPHA); (e) Quỹ đạo của cơn bão số 4 (COMAY); (f) Quỹ đạo của ATNĐ tháng 8

+ *Nắng nóng (NN):*

Trong thời kỳ từ tháng 6/2025 đến nửa đầu tháng 8/2025, tại khu vực Bắc Bộ đã xảy ra 08 đợt NN như sau: từ ngày 01-02/6, 06-08/6, 14-15/6, 08-09/7, 17-19/7, 28-31/7; 02-05/8 và từ ngày 08-12/8. Các tỉnh từ Thanh Hóa đến Huế và duyên hải Nam Trung Bộ cũng xảy ra 08 đợt NN vào các ngày: từ ngày 01-03/6, 06-08/6, 14-19/6, 08-09/7, 16-19/7, 29-31/7, 02-05/8 và từ ngày 08-14/8, riêng khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ nắng nóng diện rộng đã xảy ra và duy trì từ ngày 29/7-14/8. NN xảy ra ở các khu vực trên với nhiệt độ cao nhất ngày phổ biến từ 35,0-38,0⁰C, có nơi cao hơn; riêng đợt ngày 01-03/6 đã xảy ra NN gay gắt với nhiệt độ cao nhất ngày phổ biến từ 37,0-39,0⁰C, có nơi cao hơn 40⁰C. Tại khu vực cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ, có một số ngày xuất hiện NN cục bộ với mức nhiệt độ cao nhất ngày từ 35,0-36,0⁰C.

Đáng lưu ý, trong đợt NN vào ngày 02-05/8, tại các khu vực trên phạm vi cả nước có nhiều trạm đã xuất hiện nhiệt độ cao nhất ngày tương đương và vượt giá trị lịch sử cùng kỳ, cụ thể: Ở khu vực Bắc Bộ có 25 trạm, khu vực Trung Bộ có 03 trạm, khu vực Nam Bộ có 07 trạm (Bảng 6- Phụ lục).

+ *Mưa diện rộng:*

Từ tháng 6/2025 đến nửa đầu tháng 8/2025, tại khu vực Bắc Bộ đã xảy ra nhiều ngày mưa, trong đó có 08 đợt mưa lớn diện rộng vào các ngày: từ ngày 03-10/6, 15-18/6, 20-23/6, 27/6-03/7; 10-16/7, 19-27/7; 31/7-01/8 và từ ngày 05-07/8. Đáng lưu ý, đợt mưa kéo dài từ ngày 19-27/7, do chịu ảnh hưởng của cơn bão số 3, sau đó là ảnh hưởng của dải hội tụ nhiệt đới nên tổng lượng mưa (TLM) cả đợt phổ biến đạt từ 150-230mm, có nơi cao hơn như tại Sông Mã (Sơn La) 373mm, Mai Châu (Phú Thọ) 290mm, Văn Lý (Ninh Bình) 422mm, Nam Định (Ninh Bình) 288mm, Yên Định (Thanh Hóa) 404mm, ...

Khu vực từ Thanh Hóa đến Huế và Duyên hải Nam Trung Bộ đã xảy ra 02 đợt mưa diện rải rác từ ngày 04-05/6 và 08-09/6 và 05 đợt mưa rào và dông diện rộng từ ngày 10-13/6, 01-06/7, 11-12/7, 19-23/7 và từ ngày 25-28/7. Trong đó, đợt mưa từ ngày 10-13/6 do ảnh hưởng của hoàn lưu cơn bão số 1 nên khu vực từ Nam Hà Tĩnh đến Quảng Ngãi có mưa to đến rất to với lượng mưa phổ biến 250-500mm, có nơi trên 600mm; khu vực Bắc Hà Tĩnh và Quảng Ngãi

lượng mưa phổ biến 100-200mm, có nơi trên 250mm. Khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ xảy ra nhiều ngày mưa rào và dông, trong đó có ngày có mưa vừa, mưa to diện rộng.

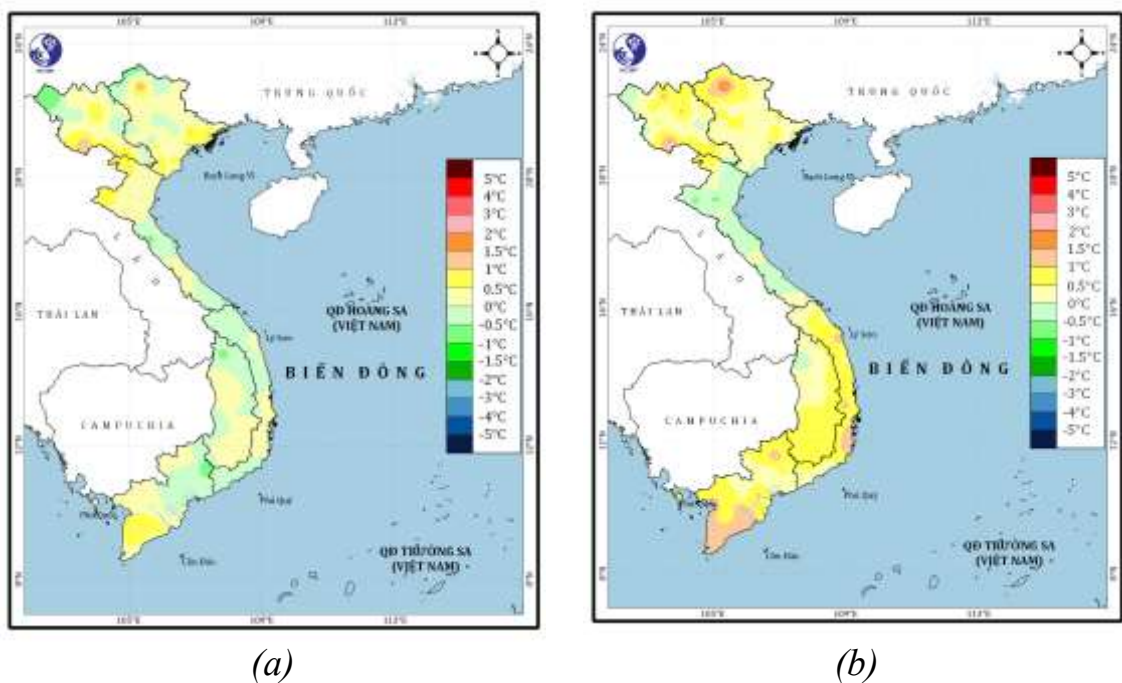
Trong thời kỳ tháng 6/2025 đến nửa đầu tháng 8/2025, nhiều trạm khí tượng đã quan trắc được giá trị lượng mưa ngày và tổng lượng mưa tháng vượt giá trị lịch sử (GTLS) cùng kỳ (*Bảng 2, 3, 4, 5-Phụ lục*).

b) Diễn biến nhiệt độ, lượng mưa

+ Nhiệt độ trung bình (NĐTĐ):

Tháng 6/2025, NĐTĐ trên cả nước phổ biến xấp xỉ trung bình nhiều năm (TBNN), một số nơi cao hơn khoảng 0,5-1,0⁰C (*Hình 2a*).

Tháng 7/2025, NĐTĐ tại khu vực Thanh Hóa đến Huế phổ biến thấp hơn 0,5-1,0⁰C so với trung bình nhiều năm (TBNN), các nơi khác NĐTĐ phổ biến cao hơn 0,5-1,5⁰C so với TBNN cùng thời kỳ (*Hình 2b*).



Hình 2: (a) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình (°C) tháng 6/2025;

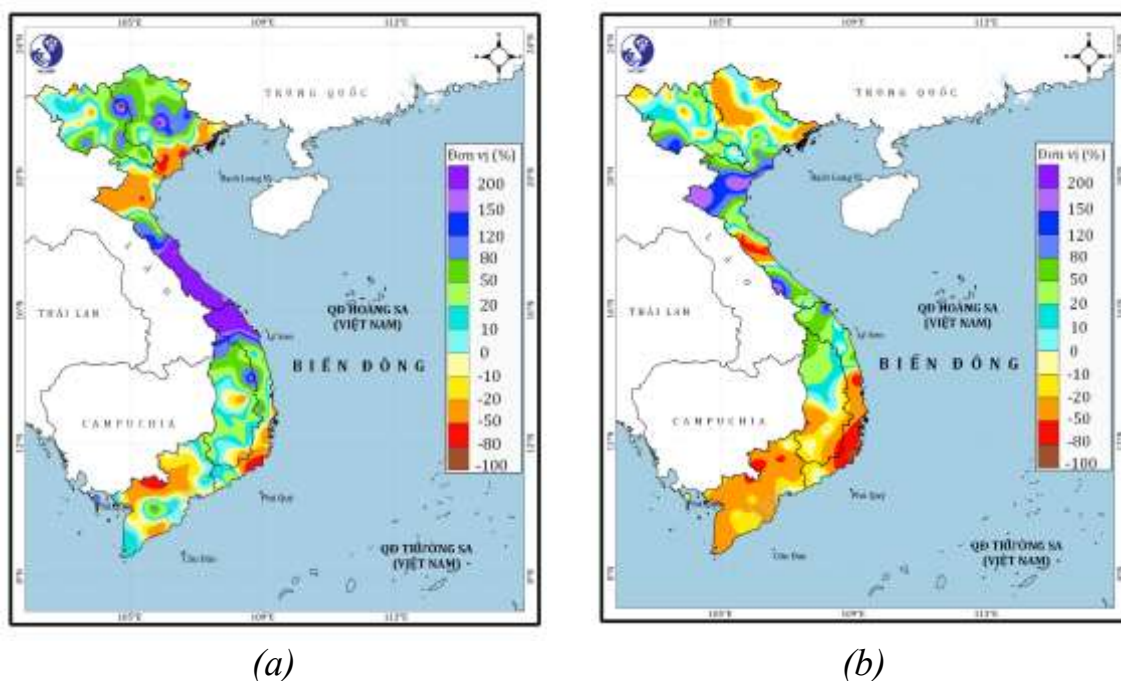
(b) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình (°C) tháng 7/2025.

Trong nửa đầu tháng 8/2025, NĐTĐ trên cả nước phổ biến cao hơn so với TBNN từ 1,0-2,0⁰C, có nơi cao hơn; riêng các tỉnh Lai Châu-Điện Biên ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

Tháng 7/2025, TLM tại khu một số nơi phía Đông Bắc Bộ, các tỉnh từ

phía Tây Gia Lai đến Lâm Đồng và Nam Bộ phổ biến thấp hơn từ 20-50%, riêng Khánh Hòa thấp hơn từ 50-80%. Các khu vực còn lại trên cả nước phổ biến cao hơn TBNN từ 20-60%, đặc biệt tại Thanh Hóa-phía Bắc Nghệ An cao hơn từ 100-200% so với TBNN cùng kỳ (Hình 3b).

Trong nửa đầu tháng 8/2025, TLM trên hầu khắp cả nước phổ biến thấp hơn so với TBNN từ 40-100%.



Hình 3: (a) Tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 6/2025;
(b) Tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 7/2025.

2. Dự báo khí hậu từ tháng 9-11/2025

2.1. Hiện tượng ENSO

Hiện tại, hiện tượng ENSO tiếp tục trong điều kiện trung tính, với chuẩn sai nhiệt độ mặt nước biển khu vực xích đạo trung tâm Thái Bình Dương -0.3°C trong tuần đầu tháng 8/2025. Dự báo, từ tháng 9-11/2025 ENSO có khả năng duy trì trạng thái trung tính với xác suất từ 60-70%.

2.2. Dự báo xu thế nhiệt độ trung bình

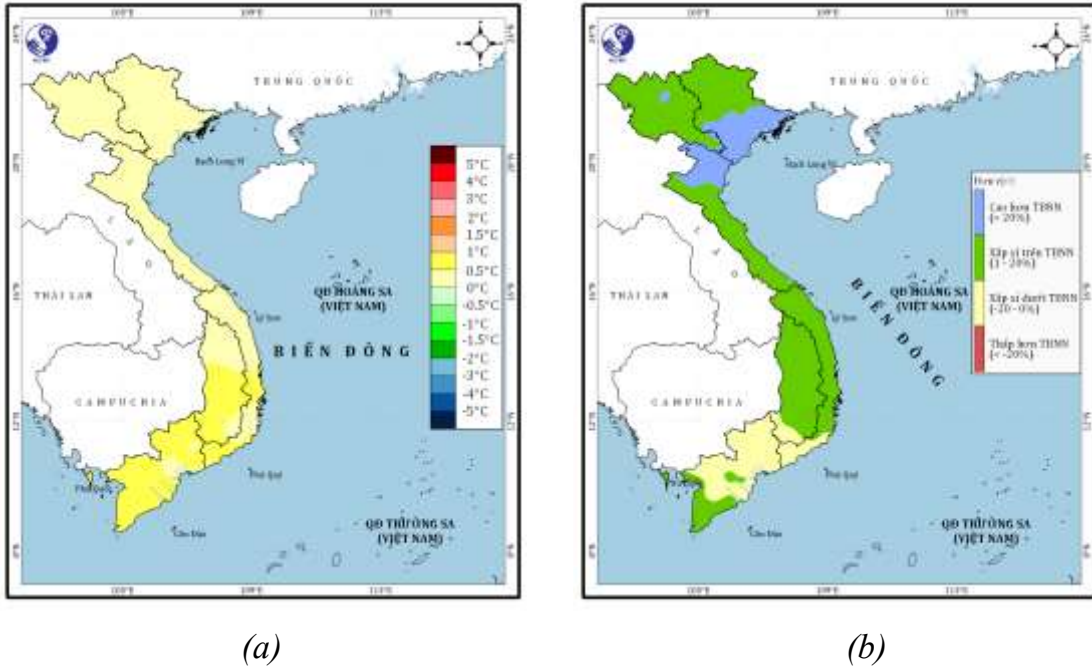
Từ tháng 9-11/2025, NĐTĐ trên cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ; riêng tháng 11 tại khu vực Đồng bằng Bắc Bộ, các tỉnh từ Thanh Hoá-Huế NĐTĐ có xu hướng thấp hơn từ $0,5-1,0^{\circ}\text{C}$ so với TBNN cùng kỳ (Hình 4a, 5a, 6a).

2.3. Dự báo xu thế lượng mưa

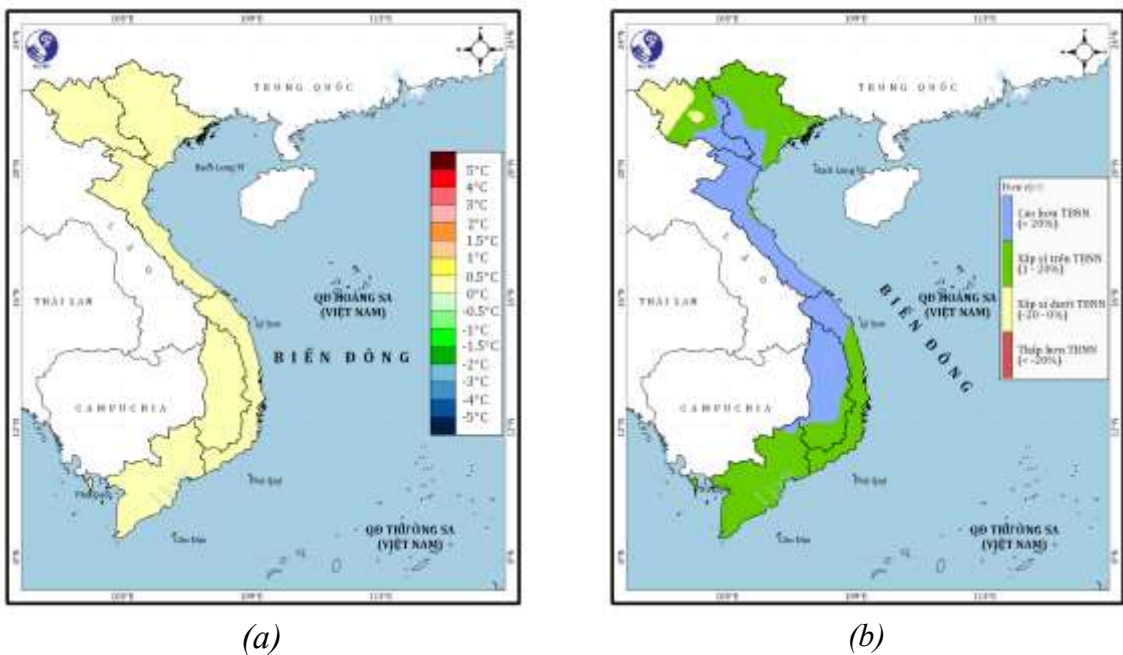
Trong tháng 9 và tháng 10/2025, TLM ở khu vực phía Đông Bắc Bộ, khu

vực Thanh Hóa đến Quảng Ngãi có xu hướng cao hơn TBNN từ 10-30%; khu vực phía Tây Bắc Bộ có TLM trong tháng 10/2025 ở mức thiếu hụt 5-10% so với TBNN; các khu vực khác phổ biến xấp xỉ so với TBNN.

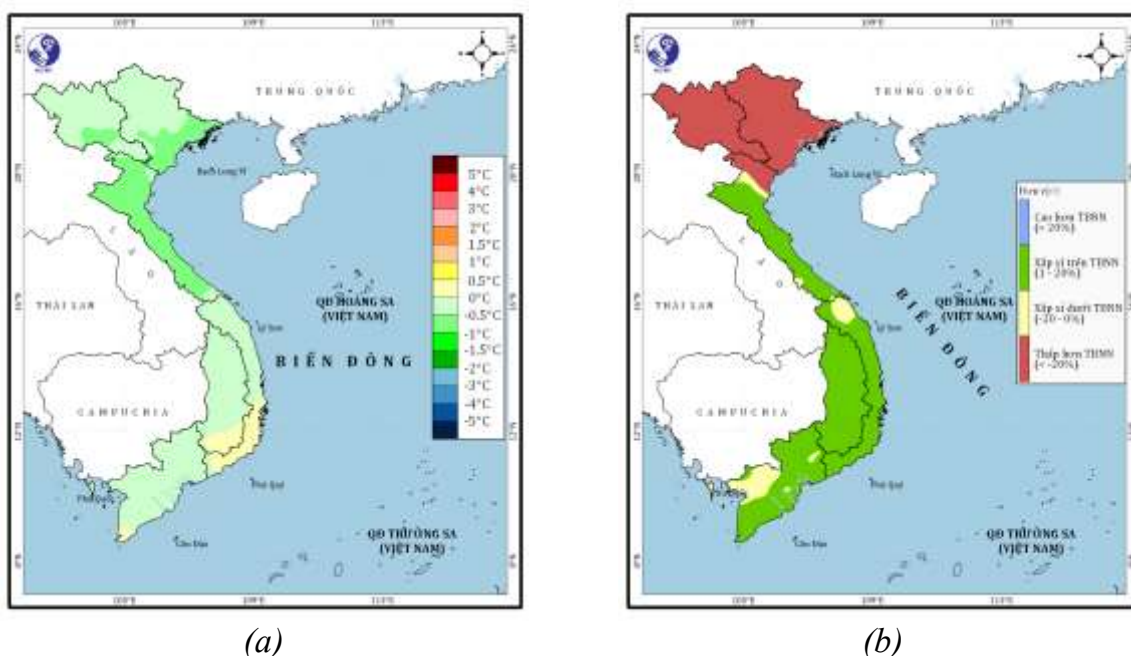
Tháng 11/2025, TLM khu vực từ Nghệ An đến Lâm Đồng cao hơn từ 10-25% so với TBNN, các nơi khác xấp xỉ TBNN cùng thời kỳ (Hình 4b, 5b, 6b).



Hình 4: (a) Bản đồ dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng 9/2025;
(b) Bản đồ dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 9/2025.



Hình 5: (a) Bản đồ dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng 10/2025;
(b) Bản đồ dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 10/2025.



Hình 6: (a) Bản đồ dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng 11/2025;
(b) Bản đồ dự báo tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 11/2025.

2.4. Cảnh báo thời tiết nguy hiểm

- Bão/ATNĐ: Từ tháng 9-11/2025, bão/ATNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và ảnh hưởng đến nước ta có khả năng ở mức cao hơn so với TBNN (TBNN trên Biển Đông: 5,9 cơn, đổ bộ vào đất liền: 2,9 cơn); cần lưu ý những cơn bão và ATNĐ xuất hiện ngay trên khu vực Biển Đông.

- Đông, lốc, sét, mưa đá: Trên phạm vi cả nước tiếp tục xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như: Đông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh.

- Nắng nóng: Từ tháng 9/2025, NN diện rộng có khả năng chấm dứt tại khu vực Bắc Bộ và có xu hướng giảm dần ở khu vực từ Thanh Hóa đến Huế và duyên hải Nam Trung Bộ (số ngày NN có khả năng thấp hơn so với TBNN cùng thời kỳ).

- Không khí lạnh (KKL): KKL hoạt động sớm và mạnh dần từ khoảng tháng 10/2025.

- Mưa vừa, mưa to: Từ tháng 9-11/2025, các đợt mưa vừa, mưa to có khả năng xuất hiện ở các khu vực trên cả nước (tập trung tại Bắc Bộ trong tháng 9 và tại khu vực Trung Bộ trong tháng 10-11/2025).

Như vậy, cao điểm mùa bão và mưa lớn tập trung vào giai đoạn cuối năm tại khu vực từ Thanh Hóa đến Huế và các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ, đặc biệt vào khoảng tháng 10 và tháng 11/2025.

2.5. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội: Bão, ATNĐ, gió mùa Tây Nam và gió mùa Đông Bắc gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động của tàu thuyền. Hiện tượng NN, mưa lớn và dông, lốc, sét, mưa đá có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất và sức khỏe cộng đồng

- Lưu vực sông Mê Kông: Tháng 9/2025, TLM phổ biến ở mức xấp xỉ đến cao hơn từ 5-10% so với TBNN cùng thời kỳ. Tháng 10/2025, TLM khu vực thượng lưu phổ biến thấp hơn từ 10-20% TBNN cùng thời kỳ, khu vực trung lưu và hạ lưu cao hơn từ 10-30% TBNN cùng thời kỳ. Tháng 11/2025, TLM khu vực thượng lưu phổ biến thấp hơn từ 5-15% so với TBNN cùng kỳ, khu vực trung lưu và hạ lưu cao hơn từ 5-15% so với TBNN cùng kỳ.

Bảng 1: Dự báo nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa từ tháng 9-11/2025

Địa điểm dự báo (các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Tháng 9/2025		Tháng 10/2025		Tháng 11/2025	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Sơn La-Sơn La (Đài KTTV Bắc Bộ)	24,5-25,5	100-200	22,0-23,0	50-80	18,0-19,0	10-30
Lào Cai-Lào Cai (Đài KTTV Bắc Bộ)	27,5-28,5	150-300	24,5-25,5	70-130	20,5-21,5	25-50
Lạng Sơn-Lạng Sơn (Đài KTTV Bắc Bộ)	25,5-26,5	100-200	21,5-22,5	60-100	18,0-19,0	20-40
Việt Trì-Phú Thọ (Đài KTTV Bắc Bộ)	27,5-28,5	100-200	25,0-26,0	70-130	21,0-22,0	20-40
Hải Phòng-Tp. Hải Phòng (Đài KTTV Bắc Bộ)	27,0-28,0	200-350	24,5-25,5	60-100	21,0-22,0	20-40
Hà Đông-Tp. Hà Nội (Đài KTTV Bắc Bộ)	27,5-28,5	150-300	24,5-25,5	100-200	21,0-22,0	20-40
Vinh-Nghệ An (Đài KTTV Trung Bộ)	27,5-28,5	350-550	24,5-25,5	400-650	21,5-22,5	80-160
Huế-Tp. Huế (Đài KTTV Trung Bộ)	27,0-28,0	300-500	24,5-25,5	800-1100	22,5-23,5	550-850
Kon Tum-Quảng Ngãi (Đài KTTV Trung Bộ)	24,5-25,5	250-400	23,0-24,0	200-350	22,0-23,0	60-100
Quy Nhơn-Gia Lai (Đài KTTV Trung Bộ)	29,0-30,0	150-300	26,5-27,5	400-650	25,0-26,0	350-600
Nha Trang- Khánh Hòa (Đài KTTV Trung Bộ)	28,0-29,0	140-280	26,5-27,5	250-400	25,5-26,5	300-500

Địa điểm dự báo (các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Tháng 9/2025		Tháng 10/2025		Tháng 11/2025	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Buôn Ma Thuột- Đắk Lắk (Đài KTTV Trung Bộ)	24,5-25,5	260-420	23,5-24,5	150-300	22,0-23,0	80-160
Nhà Bè-Tp. Hồ Chí Minh (Đài KTTV Nam Bộ)	28,0-29,0	200-350	27,0-28,0	150-300	27,0-28,0	80-160
Cần Thơ-Tp. Cần Thơ (Đài KTTV Nam Bộ)	27,0-28,0	150-300	26,5-27,5	200-350	26,5-27,5	100-200

Ghi chú:

- Ttb: Giá trị nhiệt độ trung bình (đơn vị: độ C);
- R: Giá trị tổng lượng mưa (đơn vị: milimét);
- Chuẩn sai: Giá trị chênh lệch của nhiệt độ/lượng mưa so với TBNN (đơn vị: độ C/milimét);
- Tỷ chuẩn: Giá trị chênh lệch tương đối của lượng mưa so với TBNN (đơn vị: %),
- Các khu vực dự báo được điều chỉnh theo địa danh hành chính mới gồm:
 1. Khu vực Tây Bắc Bộ: Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, khu vực phía Nam của tỉnh Phú Thọ (là tỉnh Hòa Bình cũ).
 2. Khu vực Đông Bắc Bộ: Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Hà Nội; khu vực phía Bắc của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ cũ).
 3. Khu vực Thanh Hóa-Huế;
 4. Khu vực duyên hải Nam Trung Bộ (Đà Nẵng, Khánh Hòa và ven biển các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng);
 5. Khu vực cao nguyên Trung Bộ: Phía Tây các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng;
 6. Khu vực Nam Bộ.

3. Xu thế khí hậu từ tháng 12/2025-02/2026

3.1. Hiện tượng ENSO:

Từ tháng 12/2025-02/2026, hiện tượng ENSO vẫn có khả năng duy trì ở trạng thái trung tính và nghiêng về pha lạnh, nhưng chưa đạt trạng thái La Nina.

3.2. Dự báo xu thế nhiệt độ trung bình

Từ tháng 12/2025-02/2026, NĐTB trên phạm vi toàn quốc phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

3.3. Dự báo xu thế lượng mưa

Từ tháng 12/2025-02/2026, TLM trên các khu vực phổ biến xấp xỉ so với TBNN cùng kỳ, cụ thể:

+ Khu vực Bắc Bộ: TLM phổ biến từ 20-40mm/tháng, có nơi cao hơn.

+ Khu vực Trung Bộ:

- Tháng 12/2025: TLM từ Thanh Hóa đến Nghệ An phổ biến từ 30-80mm, các tỉnh từ Hà Tĩnh đến Huế và duyên hải Nam Trung Bộ phổ biến từ 200-400mm, có nơi cao hơn 500mm; khu vực cao nguyên Trung Bộ từ 20-

60mm, có nơi cao hơn.

- Tháng 01-02/2026: TLM từ Thanh Hóa đến Huế và duyên hải Nam Trung Bộ phổ biến từ 20-60mm/tháng, có nơi cao hơn; riêng khu vực cao nguyên Trung Bộ phổ biến từ 5-15mm/tháng, có nơi cao hơn.

+ Khu vực Nam Bộ: TLM tháng 12/2025 phổ biến từ 40-70mm; TLM tháng 01-02/2026 phổ biến từ 10-30mm/tháng.

+ Lưu vực sông Mê Kông: TLM tháng 12/2025 TLM tại khu vực thượng lưu thấp hơn từ 5-15% so với TBNN, khu vực trung lưu và hạ lưu cao hơn từ 5-15% so với TBNN cùng kỳ. Tháng 01-02/2026, TLM xấp xỉ so với TBNN cùng kỳ, TLM phổ biến dưới 20mm.

3.4. Cảnh báo thời tiết nguy hiểm

- *Bão/ATNĐ*: Từ tháng 12/2025-02/2026, bão/ATNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và ảnh hưởng đến nước ta có khả năng ở mức xấp xỉ so với TBNN (TBNN trên Biển Đông: 1,4 cơn, đổ bộ vào đất liền: 0,2 cơn).

- *Không khí lạnh*: KKL tiếp tục gia tăng cường độ và tần suất; rét đậm, rét hại có khả năng xuất hiện ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

- *Mưa vừa, mưa to*: Trong tháng 12/2025, còn có khả năng xảy ra những đợt mưa vừa, mưa to tại khu vực từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi, Khánh Hòa và phần phía Đông các tỉnh Gia Lai đến Lâm Đồng.

- *Dông, lốc, sét, mưa đá*: Trên phạm vi cả nước có khả năng xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, lốc, sét và gió giật mạnh, tập trung vào tháng 12/2025.

3.5. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội: Bão, ATNĐ và gió mùa Đông Bắc gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động trên khu vực Biển Đông; hiện tượng mưa lớn và dông, lốc, sét có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất và sức khỏe cộng đồng. Rét đậm, rét hại, sương muối, băng giá...ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng và cây trồng, vật nuôi...

“Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thời tiết, khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp với nhiều hình thái nguy hiểm, cực đoan như mưa lớn trong thời gian ngắn, lũ quét, sạt lở đất... Do đó, đề nghị thường xuyên cập nhật và tích hợp thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong các bản tin ngắn

hạn 1-3 ngày tới, để kịp thời điều chỉnh các kế hoạch sản xuất, phương án ứng phó phù hợp, đặc biệt là phương án vận hành hồ chứa phù hợp, bảo đảm an toàn công trình và vùng hạ du, cùng với đó đảm bảo an toàn cho các hoạt động sản xuất và dân sinh".

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15/9/2025.

Tin phát lúc: 15/8/2025./.

Soát tin: Hoàng Thị Mai

**TUQ. GIÁM ĐỐC
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG DỰ BÁO KHÍ HẬU**



Nguyễn Đức Hoà

PHỤ LỤC

Bảng 1. Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm ở quy mô nhỏ từ tháng 6/2025-nửa đầu tháng 8/2025

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Dông, lốc	Đồng Tháp (Hồng Ngự)	01/6/2025
Sét	Cao Bằng	02/6/2025
Dông, sét	Hà Giang (Mèo Vạc)	08/6/2025
Dông, sét	Phú Thọ, TP. Hà Nội, Lạng Sơn, Yên Bái, Thanh Hoá	16/6/2025
Dông, sét	Hà Nội	03/7/2025
Dông, lốc, sét, mưa đá	Quảng Ninh, Cao Bằng, Thái Nguyên, Phú Thọ	19/7/2025
Lốc	Đồng Nai	20/7/2025
Mưa dông kèm lốc xoáy	Lâm Đồng, An Giang, Đồng Tháp	21/7/2025
Dông, lốc	Quảng Trị, Quảng Ngãi, Đồng Tháp, An Giang	23/7/2025
Dông, lốc	Nghệ An (xã Hữu Khuông, Quế Phong, Mường Quàng)	06/8/2025

Bảng 2: Lượng mưa cao nhất ngày (mm) vượt GTLS trong tháng 6/2025

Trạm	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 6	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày tháng 6/2025	Ngày xuất hiện
Tam Đường (Lai Châu)	164,3	2010	172,2	08/6/2025
Lục Yên (Lào Cai)	249,0	1984	291,7	25/6/2025
Mẫu Sơn (Lạng Sơn)	91,2	2015	92,4	02/6/2025
Cồn Cỏ (Quảng Trị)	163,9	1992	352,0	13/6/2025
Đồng Hà (Quảng Trị)	148,1	2013	302,3	12/6/2025
Khe Sanh (Quảng Trị)	173,2	1981	314,0	13/6/2025
Huế	254,7	1979	291,6	12/6/2025
A Lưới (Huế)	153,9	1985	391,5	12/6/2025
Nam Đông (Huế)	410,5	1983	559,3	12/6/2025
Đà Nẵng	212,4	1979	402,3	12/6/2025
Tam Kỳ (Đà Nẵng)	139,5	1983	197,6	12/6/2025
Phan Thiết (Lâm Đồng)	87,3	2002	113,0	02/6/2025
Cần Thơ	90,4	1980	110,6	20/6/2025

Trạm	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 6	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày tháng 6/2025	Ngày xuất hiện
Phú Quốc (An Giang)	188,7	1992	189,9	22/6/2025

Bảng 3. Tổng lượng mưa tháng (mm) vượt GTLS trong tháng 6

Trạm	Tổng lượng mưa cao nhất tháng 6	Năm xuất hiện GTLS	Tổng lượng mưa tháng 6/2025 vượt GTLS
Sông Mã (Sơn La)	368,0	1995	379,0
Phổ Ràng (Lào Cai)	244,8	2023	322,7
Thái Nguyên	988,1	1979	994,1
Lạng Sơn	348,6	1978	441,8
Bắc Giang (Bắc Ninh)	511,3	1986	562,0
Hoành Sơn (Hà Tĩnh)	245,4	2021	364,5
Đồng Hới (Quảng Trị)	321,7	1985	432,8
Ba Đồn (Quảng Trị)	399,8	1985	461,5
Cồn Cỏ (Quảng Trị)	309,2	1992	492,8
Đông Hà (Quảng Trị)	283,0	2013	608,2
Khe Sanh (Quảng Trị)	505,8	1981	627,6
Huế	507,8	1979	765,7
A Lưới (Huế)	502,3	1979	1056,6
Nam Đông (Huế)	752,7	1979	965,9
Đà Nẵng	488,7	1979	626,0
Song Tử Tây (Khánh Hòa)	394,4	2014	409,3
Cần Thơ	366,9	1980	384,2
Phú Quốc (An Giang)	720,3	1990	733,5

Bảng 4. Lượng mưa cao nhất ngày (mm) vượt GTLS trong tháng 7/2025

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa ngày cao nhất lịch sử đã ghi nhận trong tháng 7	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Phổ Ràng (Lào Cai)	63,7	2022	71,9	25/7/2025
Bạch Long Vĩ (Hải Phòng)	208,1	2002	220,9	21/7/2025
Văn Lý (Ninh Bình)	207,5	1996	229,7	22/7/2025

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa ngày cao nhất lịch sử đã ghi nhận trong tháng 7	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
Yên Định (Thanh Hóa)	163,1	2005	277,5	22/7/2025
Sầm Sơn (Thanh Hóa)	170,1	2018	430,5	22/7/2025
Bái Thượng (Thanh Hóa)	202,3	2013	255,8	22/7/2025
Thanh Hóa	219,4	1996	357,6	22/7/2025
Như Xuân (Thanh Hóa)	254,9	1989	331	22/7/2025
Quỳ Châu (Nghệ An)	198,9	1989	259,1	22/7/2025
Quỳ Hợp (Nghệ An)	179,0	1990	192	22/7/2025
Khe Sanh (Quảng Trị)	158,9	2018	173,1	26/7/2025

Bảng 5. Tổng lượng mưa tháng (mm) vượt GTLS trong tháng 7/2025

Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Giá trị tổng lượng mưa tháng 7 cao nhất lịch sử đã ghi nhận	Năm xuất hiện GTLS	Tổng lượng mưa tháng 7/2025 vượt GTLS
Sông Mã (Sơn La)	541,7	2008	602,3
Bắc Ninh	434,5	2012	451,8
Tương Dương (Nghệ An)	466,1	2018	554,9
Khe Sanh (Quảng Trị)	725,9	2018	811,3

Bảng 6. Nhiệt độ cao nhất ngày tương đương và vượt GTLS trong tháng 8/2025

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 8	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Mỹ Tho (Đồng Tháp)	35,3	2024	35,6	02/8/2025
2	Cò Nòi (Sơn La)	34,8	2019	35,5	03/8/2025
3	Hòa Bình (Phú Thọ)	39,1	2021	39,7	03/8/2025
4	Bạch Long Vĩ (TP Hải Phòng)	35,0	1990,2021,2022,2024	35,2	03/8/2025
5	Phước Long (Đồng Nai)	35,0	2024	35,0	03/8/2025
6	Biên Hòa (Đồng Nai)	36,5	2021	36,7	03/8/2025
7	Chi Nê (Phú Thọ)	39,3	2024	39,8	04/8/2025

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 8	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
8	Tuyên Quang	38,2	1990,2021	38,3	04/8/2025
9	Phú Hộ (Phú Thọ)	38,6	1990	38,8	04/8/2025
10	Vĩnh Yên (Phú Thọ)	39,0	2021	39,2	04/8/2025
11	Thất Khê (Lạng Sơn)	38,7	2016	38,7	04/8/2025
12	Hữu Lũng (Lạng Sơn)	37,9	1992	38,0	04/8/2025
13	Uông Bí (Quảng Ninh)	37,3	2021	37,8	04/8/2025
14	Hiệp Hòa (Bắc Ninh)	38,2	2021	39,0	04/8/2025
15	Lục Ngạn (Bắc Ninh)	38,4	2019	39,2	04/8/2025
16	Sơn Động (Bắc Ninh)	38,4	2021	39,2	04/8/2025
17	Ba Vì (TP Hà Nội)	39,0	2021,2024	39,5	04/8/2025
18	Sơn Tây (TP Hà Nội)	39,1	2021	39,8	04/8/2025
19	Láng (TP Hà Nội)	39,5	2021	40,3	04/8/2025
20	Hoài Đức (TP Hà Nội)	38,8	2019	39,0	04/8/2025
21	Hà Đông (TP Hà Nội)	39,6	2021	39,6	04/8/2025
22	Chí Linh (TP Hải Phòng)	38,6	2021	38,6	04/8/2025
23	Hải Dương (TP Hải Phòng)	38,5	2021	38,8	04/8/2025
24	Nam Định (Ninh Bình)	39,0	2024	39,5	04/8/2025
25	Phủ Lý (Ninh Bình)	38,5	2024	40,2	04/8/2025
26	Nho Quan (Ninh Bình)	39,3	2024	39,3	04/8/2025
27	Ninh Bình	39,1	2024	39,5	04/8/2025
28	Thái Bình (Hưng Yên)	38,0	2024	38,0	04/8/2025
29	Thanh Hóa	38,5	2024	38,5	04/8/2025
30	Đắk Mil (Lâm Đồng)	31,1	2024	31,6	04/8/2025
31	Đồng Phú (Đồng Nai)	35,7	2020	35,7	04/8/2025
32	Tây Ninh	36,0	2024	36,0	04/8/2025
33	Trị An (Đồng Nai)	35,3	2023	35,4	04/8/2025
34	Vĩnh Long	35,3	2024	35,3	04/8/2025
35	Lắc (Đắk Lắk)	34,5	2014	34,6	05/8/2025
36	Trường Sa (Khánh Hòa)	33,9	2010,2024	34,2	07/8/2025
37	Sông Mã (Sơn La)	37,6	1973	37,6	12/8/2025